

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13-5-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên.

Ông Lý Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị L, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản D, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lành Văn D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Giàng Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lành Văn D tự nguyện về chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp tính nhau, không hợp nhau trong cách làm ăn, sinh hoạt từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng hai anh chị không thể quay lại chung sống với nhau nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2022 đến nay. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh D, do vậy chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lành Văn D.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Lành Văn D có 01 con chung là cháu Lành Bảo L1, sinh ngày 20/6/2019. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng giao con chung là cháu L1 cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi chị Giàng Thị L nộp đơn ly hôn và Tòa án thụ lý vụ án, anh Lành Văn D mặc dù đã được thông báo và biết chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa án để làm việc nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Giàng Thị L và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh D; Về con chung: Giao con chung tên là Lành Bảo L1, sinh ngày 20/6/2019 cho anh Lành Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn chị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lành Văn D có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố

tụng dân sự, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 25/4/2025, Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh D là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị L và anh Lành Văn D về chung sống và đăng ký kết hôn ngày 25/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu, việc chung sống và kết hôn đều trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh D hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp tính nhau, không hợp nhau trong cách làm ăn, sinh hoạt từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng hai anh chị không thể quay lại chung sống với nhau nên chị L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2022 đến nay. Hiện nay chị L không còn tình cảm, không còn yêu thương anh D nên chị xin được ly hôn với anh Lành Văn D.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã kéo dài và đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, giữa chị L và anh D không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, chị L không còn tình cảm yêu thương đối với anh D, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh D, trong thời gian ly thân, anh D cũng không tìm cách để hàn gắn tình cảm với chị L. Xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh D đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ủy ban nhân dân xã B cũng đã xác định giữa chị L và anh D có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay nên yêu cầu khởi kiện của chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Giàng Thị L có nguyện vọng giao con chung cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18

tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy, trong khoảng thời gian anh, chị ly thân với nhau thì cháu L1 vẫn ở cùng với anh D và bố mẹ đẻ anh D ở bản Hợp 1, xã B, cháu L1 được tạo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đầy đủ, không bị ai cưỡng bức, đánh đập, đồng thời tại biên bản làm việc với bố đẻ anh D là ông Lành Văn B, gia đình ông, bà đồng ý hỗ trợ anh D trong việc tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L1. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của cháu Lành Bảo L1, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu L1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Giàng Thị L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và anh Lành Văn D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Giàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Giàng Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do vậy, quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị L được ly hôn với anh Lành Văn D.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lành Bảo L1, sinh ngày 20/6/2019 cho anh Lành Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Giàng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
4. Về chia tài sản chung: Chị Giàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị Giàng Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi Cục THADS huyện Phong Thổ ;
- UBND xã Bản Lang, huyện Phong Thổ ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đoàn